

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH AN GIANG

ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG

*(Sửa đổi Lần 1 tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông ngày 24/04/2008;
sửa đổi, bổ sung Lần 2 theo Nghị quyết số: 02/2011/NQ-ĐHĐCĐ
ngày 22/07/2011 Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Du lịch An Giang)*



THÁNG 7 NĂM 2011



ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH AN GIANG (SỬA ĐỔI VÀ BỔ SUNG)

- Căn cứ Luật doanh nghiệp đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, khóa XI, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 29/11/2005.
- Căn cứ Nghị định 64/2002/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 19/06/2002 về việc chuyển doanh nghiệp nhà nước thành công ty cổ phần.
- Căn cứ Quyết định số 2671/QĐ-CT-UB ngày 13/12/2004 của Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh An Giang về việc chuyển Công ty Du Lịch An giang thành Công ty cổ phần Du Lịch An giang

Điều lệ này của Công ty cổ phần Du lịch An Giang (dưới đây gọi tắt là “Công ty”) được sửa đổi, bổ sung lần 1 và thông qua hợp lệ tại phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2008 vào ngày 24 tháng 4 năm 2008; sửa đổi, bổ sung lần 2 theo Nghị quyết số: 02/2011/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22 tháng 07 năm 2011 Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Du lịch An Giang.

Chương I . QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1 : Định nghĩa các thuật ngữ trong điều lệ

Trong điều lệ này, trừ trường hợp điều khoản cụ thể của điều lệ có quy định khác, các từ ngữ sau đây được hiểu như sau :

1. “ Ngày thành lập “ là ngày mà Công ty cổ phần được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.
2. “ Vốn điều lệ” là vốn góp của Cổ đông tại từng thời điểm, được ghi nhận tại Điều lệ công ty và đăng ký với cơ quan cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh
3. “ Cổ đông “: là bất kỳ tổ chức hoặc cá nhân nào đăng ký tên trong sổ đăng ký cổ đông của Công Ty với tư cách là người sở hữu cổ phần.
4. “ Cổ đông sáng lập “ là các cổ đông trong danh sách tại Phụ lục A của Điều lệ, do Đại hội đồng cổ đông thành lập quyết định và phải hội đủ các điều kiện sau:
 - a) Không phải là đối tượng quy định tại khoản 2, Điều 13 của Luật Doanh nghiệp 2005.
 - b) Tham gia xây dựng thông qua và ký tên Điều lệ lần đầu của Công Ty tại Đại hội đồng cổ đông thành lập ngày 01 Tháng 08 năm 2005.
 - c) Sở hữu tối thiểu 200 cổ phần phổ thông của Công ty, và tổng số cổ phần phổ thông thuộc sở hữu các cổ đông sáng lập chiếm ít nhất 20 % vốn điều lệ ban đầu.
5. “ Cổ phần phổ thông” là cổ phần thông thường do Công ty phát hành.
6. “ Cổ đông phổ thông” là người sở hữu cổ phần phổ thông.
7. “ Nhân viên quản lý” là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng.
8. “ Những người liên quan” là bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức được quy định trong khoản 17 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp 2005.

Trong Điều lệ này, bất kỳ dẫn chiếu nào tới bất kỳ quy định hoặc văn bản nào sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế chúng. Trừ trường hợp điều khoản cụ thể

của Điều lệ có quy định khác, các từ và thuật ngữ được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp sẽ có nghĩa tương tự như Điều lệ này.

Điều 2. Tên, hình thức hoạt động, địa chỉ của Công Ty

1. Tên Công ty bằng tiếng việt : CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH AN GIANG

Tên bằng tiếng Anh : AN GIANG TOURIMEX JOINT STOCK COMPANY

Tên giao dịch (Hoặc viết tắt) : AN GIANG TOURIMEX

Biểu tượng của Công ty :



2. Hình thức hoạt động: Công ty được thành lập dưới hình thức chuyển từ doanh nghiệp Nhà Nước thành Công ty Cổ phần và có tư cách pháp nhân độc lập theo pháp luật.

3. Địa chỉ Công Ty :

a) Trụ sở chính của Công ty :

Địa chỉ : 17 Nguyễn Văn Cưng, Thành phố Long Xuyên, tỉnh An giang

Điện thoại : (076) 841308 - 843752- 843394

Fax : (076) 841648

Email : tourimexag@hcm.vnn.vn - tourimex@hcm.fpt.vn

website: www.angiangtourimex.com.vn

b) Công ty có cơ sở sản xuất (chi nhánh, văn phòng đại diện) tại :

- Xí nghiệp chế biến nông sản XK I
- Xí nghiệp chế biến nông sản XK III
- Nhà máy chế biến gạo xuất khẩu Tây Phú
- Nhà máy chế biến gạo xuất khẩu Định Thành
- Nhà máy chế biến nông sản xuất khẩu 5
- Nhà máy chế biến nông sản xuất khẩu I
- Khách sạn Đông Xuyên
- Khách sạn Long Xuyên
- Khách sạn Bến đá núi Sam
- Khu Du lịch Tức Dụp
- Khách sạn An Hải Sơn
- Trung tâm Dịch vụ Du lịch
- Chi nhánh TP Hồ Chí Minh
- Văn phòng cho thuê (Khách sạn Cửu Long)
- Khách sạn Vũng Tàu

c) Công ty có thể thành lập các chi nhánh và văn phòng đại diện trong và ngoài nước Việt Nam để hỗ trợ các mục tiêu của Công ty do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Thời hạn hoạt động của Công Ty

Thời hạn hoạt động của Công ty là 50 năm bắt đầu từ ngày thành lập. Thời hạn hoạt động có thể được rút ngắn hoặc gia hạn do Đại hội đồng cổ đông quyết định và được cơ quan cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh chấp thuận.

Điều 4. Mục tiêu và Ngành nghề kinh doanh

1. Mục tiêu : Công ty được thành lập để huy động và sử dụng vốn có hiệu quả trong sản xuất kinh doanh lương thực, nông sản, du lịch, dịch vụ và các loại hình hoạt động khác mà pháp luật không cấm, góp phần nâng cao hiệu quả, sức cạnh tranh, mở ra loại hình doanh nghiệp có nhiều chủ sở hữu, tạo động lực mạnh mẽ và cơ chế quản lý năng động, phát huy vai trò làm chủ của người lao động, của các cổ đông nhằm thu được lợi nhuận, tạo việc làm ổn định cho người lao động, mang lại lợi tức cho các cổ đông, đóng góp vào ngân sách nhà nước.

2. Ngành nghề kinh doanh : Kinh doanh du lịch lữ hành và các dịch vụ du lịch khác(632); Kinh doanh dịch vụ khách sạn, nhà hàng (55); Mua bán đồ uống, rượu bia (5125); Mua bán thuốc lá (5126-512600); Bán đồ giải khát (nước ngọt, sinh tố, hoa quả, trà, cà phê . . .) (552224); Mua bán đồ dùng cá nhân và gia đình (513); Kinh doanh vũ trường (90191-901910); Kinh doanh phòng hát karaoke (90192-901920); Hoạt động ca nhạc (901416); Dịch vụ giặt là (931113); Dịch vụ xông hơi, xoa bóp (93191-931910); Dịch vụ tắm, tắm hơi (93192-931920); Dịch vụ giữ xe (9393-939300); Đại lý bán vé máy bay, vé tàu hỏa, tàu cao tốc, thẻ điện thoại, thẻ card Internet (5113); Dịch vụ bưu phẩm (6411); Dịch vụ bưu kiện (6412); Dịch vụ điện thoại có dây (6421); Dịch vụ không dây (6422); Dịch vụ xuất khẩu lao động (749112); Dịch vụ về nhiếp ảnh (74941); Dịch vụ cho thuê đồ cưới (9334-933400); Cho thuê văn phòng (7113-711300); Dịch vụ vườn cảnh, non bộ, công viên, vườn thú (90331-903310); Kinh doanh công viên cây xanh, công viên nước, vườn trại giải trí (90332-903320); Kinh doanh khu vui chơi, giải trí (90494); Trồng trọt (011); Chăn nuôi (012); Nuôi Thủy sản (052); Chế biến, bảo quản thủy sản và sản phẩm từ thủy sản (1512); Xay sát thóc lúa, đánh bóng gạo (15311-153110); Mua bán mô tô, xe máy (5041-504100); Mua bán nông sản (51212); Mua bán lương thực (5123); Mua bán vật liệu xây dựng (51454); Mua bán phân bón; Sản xuất thực phẩm khác (154); Sản xuất, gia công khung bằng thép (khung nhà kho, khung đài nước, các cấu kiện sắt thép phục vụ cho công trình xây dựng) (281122); San lấp mặt bằng (4511); Xây dựng công trình dân dụng (4521); Xây dựng công trình công nghiệp (45221-452210); Xây dựng công trình giao thông (45222-452220); Trang trí ngoại thất (4541); Trang trí nội thất (4542); Môi giới bất động sản (7121-712100); Sản xuất các sản phẩm từ gỗ (202); Mua bán gỗ các loại (51452-514520); Đại lý ký gởi hàng hoá (5113); Kinh doanh bất động sản (711).

Điều 5. Nguyên tắc tổ chức, quản trị và điều hành của Công Ty

1. Công ty hoạt động trên nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, dân chủ và tuân thủ pháp luật.

2. Cơ quan có quyền quyết định cao nhất của Công ty là Đại hội đồng cổ đông.

3. Đại hội đồng cổ đông bầu Hội đồng quản trị để giám sát điều hành hoạt động của Công Ty, bầu Ban kiểm soát để kiểm tra giám sát việc quản lý điều hành của Công ty. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.

4. Người trực tiếp quản lý, điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty là Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm.

Điều 6. Hoạt động của tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, Công đoàn và các tổ chức chính trị - xã hội khác trong doanh nghiệp

Các tổ chức Đảng Cộng Sản Việt Nam, Công đoàn, Đoàn Thanh Niên, Hội phụ nữ, Hội cựu chiến binh và các tổ chức chính trị xã hội khác trong Công ty hoạt động theo hiến pháp và pháp luật của nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và điều lệ của tổ chức đó. Công ty thừa nhận và tạo điều kiện cho các tổ chức này hoạt động trong Công ty.

CHƯƠNG II. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY

Điều 7. Quyền của Công ty

1. Công ty có quyền quản lý, sử dụng vốn do các cổ đông đóng góp, đất đai và tài nguyên được giao sử dụng và các nguồn lực khác để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ kinh doanh của Công ty.

2. Chủ động lựa chọn ngành, nghề, địa bàn đầu tư, hình thức đầu tư (Kể cả liên doanh, liên kết, mua cổ phần, mua tài sản của các doanh nghiệp khác) và quy mô kinh doanh theo quy định của pháp luật.

3. Chủ động tổ chức bộ máy quản lý và các đơn vị thành viên phù hợp mục tiêu nhiệm vụ của Công ty. Phân chia và điều chỉnh nguồn lực giữa các đơn vị trực thuộc đảm bảo hiệu quả kinh doanh.

4. Chủ động đổi mới công nghệ và trang thiết bị phù hợp với yêu cầu phát triển và nâng cao hiệu quả kinh doanh của Công ty.

5. Tìm kiếm thị trường, trực tiếp giao dịch và ký hợp đồng với các khách hàng trong và ngoài nước; được trực tiếp xuất nhập khẩu theo yêu cầu hoạt động của Công ty và phù hợp với quy định hiện hành của pháp luật.

6. Quyết định giá mua bán vật tư, nguyên liệu, sản phẩm và dịch vụ chủ yếu, trừ những sản phẩm và dịch vụ do nhà nước định giá.

7. Tuyển chọn, thuê mướn, bố trí sử dụng, đào tạo lao động, lựa chọn các hình thức trả lương, thưởng, quyết định mức lương trên cơ sở cống hiến và hiệu quả kinh doanh, và các quyền khác của người sử dụng lao động theo qui định của pháp luật lao động.

8. Được quyền bảo hộ về quyền sở hữu công nghiệp bao gồm : các sáng chế, giải pháp hữu ích, nhãn hiệu sản phẩm, kiểu dáng công nghiệp, tên gọi xuất xứ hàng hóa theo qui định của pháp luật.

9. Được đặt chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty trong nước, ngoài nước theo qui định của pháp luật.

10. Mời và tiếp khách nước ngoài hoặc cử cán bộ, nhân viên của Công ty đi công tác nước ngoài phù hợp với chủ trương mở rộng hợp tác của Công ty và các quy định của Nhà Nước.

11. Sử dụng vốn và các quỹ của Công ty để phục vụ các nhu cầu trong kinh doanh theo nguyên tắc bảo toàn vốn và sinh lợi nhuận.

12. Phát hành, chuyển nhượng, bán cổ phiếu, trái phiếu theo qui định của pháp luật.

13. Có quyền định đoạt đối với tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của Công ty

14. Được thế chấp, cầm cố giá trị đất và tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của Công ty để đảm bảo thực hiện các nghĩa vụ tài chính và các nghĩa vụ khác của công ty theo quy định của pháp luật

15. Lập và sử dụng các quỹ theo qui định của pháp luật và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Quyết định sử dụng và phân phối lợi nhuận cho các cổ đông sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế đối với Nhà Nước

16. Được hưởng các chế độ ưu đãi về thuế khi chuyển doanh nghiệp Nhà Nước thành Công ty Cổ phần và những ưu đãi khác theo qui định của Nhà Nước.

17. Các quyền khác theo qui định của pháp luật.

Điều 8. Nghĩa vụ của Công Ty

1. Đăng ký kinh doanh và kinh doanh đúng ngành nghề đã đăng ký, chịu trách nhiệm trước khách hàng và pháp luật về sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp.

2. Xây dựng chiến lược phát triển, kế hoạch kinh doanh phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của Công ty và nhu cầu thị trường.

3. Tổ chức thực hiện các hợp đồng kinh tế đã ký với các đối tác kinh doanh.

4. Thực hiện các nghĩa vụ đối với người lao động theo qui định của pháp luật

5. Thực hiện các qui định của Nhà nước về bảo vệ tài nguyên, môi trường, an ninh quốc gia và phòng cháy chữa cháy.

6. Chịu sự kiểm tra, thanh tra của cơ quan quản lý Nhà Nước theo qui định của pháp luật.

7. Thực hiện đúng chế độ và các qui định về quản lý vốn, tài sản, các quỹ, chế độ kiểm toán, thực hiện báo cáo định kỳ theo qui định của Nhà Nước, chịu trách nhiệm về tính xác thực của các báo cáo tài chính của Công ty.

8. Kế thừa các khoản phải thu, phải trả ghi trong bảng cân đối kế toán của Công ty tại thời điểm thành lập.

9. Công bố công khai các thông tin và báo cáo tài chính hằng năm theo qui định của pháp luật.

10. Thực hiện các nghĩa vụ nộp thuế và các khoản nộp ngân sách Nhà nước theo qui định của pháp luật.

11. Chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đối với các khách hàng và các chủ nợ trong phạm vi tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của mình.

12. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG III. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU

Điều 9. Vốn điều lệ

1. Vốn điều lệ của Công ty được góp bằng tiền Việt Nam và bằng hiện vật, được hạch toán theo một đơn vị thống nhất là đồng Việt Nam.

2. Sau khi thực hiện chia cổ tức năm 2008: 30% bằng cổ phiếu và thực hiện chia cổ tức năm 2010: 20% bằng cổ phiếu; kể từ ngày 15/06/2011, tổng số vốn điều lệ của Công ty là 51.893.500.000 đồng (Bằng chữ: Năm mươi một tỷ, tám trăm chín mươi ba triệu, năm trăm ngàn đồng).

3. Vốn điều lệ của Công ty phải được góp đủ theo đúng thủ tục và tiến độ đã quy định. Việc tăng, giảm vốn điều lệ của Công ty do Đại hội đồng cổ đông quyết định và đăng ký với cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

4. Vốn điều lệ không được sử dụng để chia cho các cổ đông dưới bất kỳ hình thức nào trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định không trái với pháp luật.

Điều 10. Cổ phần

1. Tổng số vốn điều lệ trên của Công ty được chia thành 518.935 cổ phần bằng nhau. Mệnh giá mỗi cổ phần là **100.000** đồng (Một trăm ngàn đồng Việt Nam).

2. Tất cả cổ phần của Công ty tại thời điểm thành lập là Cổ phần phổ thông.

3. Công ty có quyền xác lập và phát hành các loại cổ phần ưu đãi (khác) phù hợp với quy định của pháp luật. Việc phát hành cổ phần ưu đãi do Hội đồng quản trị đề xuất và Đại hội đồng cổ đông quyết định.

Điều 11. Cổ phiếu

1. Cổ phiếu là giấy chứng nhận do Công ty phát hành dưới dạng chứng từ hoặc bút toán ghi sổ xác nhận quyền sở hữu của một hoặc một số cổ phần. Cổ phiếu của Công ty là cổ phiếu ghi tên hoặc không ghi tên.

2. Mọi cổ phiếu phải có chữ ký mẫu của người đại diện theo pháp luật của Công ty và được đóng dấu của Công ty, ghi rõ số lượng cổ phần và loại cổ phần, họ tên người sở hữu (nếu là cổ phiếu ghi tên) và các thông tin khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

3. Cổ phiếu của các cổ phần sau đây bắt buộc phải là cổ phiếu ghi tên trong ít nhất 3 năm kể từ ngày thành lập:

- + Cổ phiếu của các cổ đông sáng lập, bao gồm cả cổ đông nhà nước;
- + Cổ phiếu mà người lao động trong Công ty được mua theo giá ưu đãi, bao gồm cả cổ phiếu mua trả chậm;

4. Bất kỳ Cổ đông nào cũng được cấp miễn phí cổ phiếu hoặc giấy chứng nhận sở hữu cổ phần trong vòng 30 ngày kể từ ngày mua hoặc khi nhận chuyển nhượng (trong trường hợp chuyển nhượng).

5. Nếu cổ phiếu hoặc giấy chứng nhận sở hữu cổ phần của cổ đông bị hư hỏng, bị tẩy xóa, bị mất hoặc bị tiêu hủy, Cổ đông có quyền yêu cầu Công ty cấp cổ phiếu/giấy chứng nhận thay thế và phải nộp phí theo qui định của Hội đồng quản trị.

Người sở hữu cổ phiếu không ghi tên sẽ chịu trách nhiệm duy nhất trong việc bảo quản cổ phiếu. Công ty không chịu bất kỳ trách nhiệm nào về việc mất hoặc sử dụng cổ phiếu gian lận.

Điều 12. Chuyển nhượng Cổ phần

1. Tất cả các cổ phần phổ thông đều được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật quy định khác. Việc chuyển nhượng cổ phần phải được đăng ký tại trụ sở chính của Công ty hoặc tại địa điểm khác do Hội đồng quản trị của Công ty qui định. Đối với cổ phần ghi tên, việc chuyển nhượng phải được lập thành văn bản.

2. Cổ phần ưu đãi bán cho người lao động không được chuyển nhượng trong vòng 3 năm đầu kể từ ngày thành lập, trừ trường hợp đặt biệt do Hội đồng quản trị xem xét và chấp nhận bằng văn bản, việc chuyển nhượng cổ phần phải thỏa mãn điều kiện qui định ở khoản 3 dưới đây và phải do Đại hội đồng cổ đông xem xét và chấp thuận. Hết thời hạn 3 năm này, các hạn chế chuyển nhượng nêu trên không còn hiệu lực.

Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông xem xét và quyết định trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đơn xin chuyển nhượng. Trường hợp không chấp thuận cho chuyển nhượng cổ phần, Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông phải thông báo rõ lý do bằng văn bản cho các bên liên quan. Cổ đông dự định chuyển nhượng cổ phần không có quyền biểu quyết về việc chuyển nhượng cổ phần đó.

3. Trong vòng 3 năm đầu kể từ ngày thành lập, các cổ đông sáng lập phải cùng nhau nắm giữ ít nhất 20% tổng số cổ phần phổ thông được chào bán của Công ty. Nếu cổ đông sáng lập có nhu cầu và được phép chuyển nhượng cổ phần trong thời gian này, các cổ đông sáng lập còn lại có quyền ưu tiên mua trước số cổ phần này theo tỷ lệ tương ứng với cổ phần sở hữu. Cổ phần phổ thông các cổ đông sáng lập có thể chuyển nhượng cho đối tượng không phải là cổ đông trong trường hợp có sự chấp thuận bằng văn bản của Đại hội đồng cổ đông theo thủ tục tại khoản 2 nêu trên.

4. Cổ phần của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát không được chuyển nhượng trong thời gian đương nhiệm, trừ trường hợp đặc biệt được Hội đồng quản trị chấp thuận bằng văn bản.

5. Công ty có thể mua lại cổ phần của chính mình bằng bất cứ cách nào phù hợp với pháp luật. Cổ phần Công ty mua lại được giữ làm cổ phần ngân quỹ và có thể được Hội đồng quản trị chào bán theo hình thức được Đại hội đồng cổ đông cho phép.

Điều 13. Thừa kế cổ phần

1. Trong trường hợp một cá nhân qua đời, Công ty công nhận quyền sở hữu cổ phần của người thừa kế theo qui định của pháp luật; nhưng qui định này không giải tỏa tài sản của cổ đông đã chết khỏi các trách nhiệm về tài sản liên quan đến cổ phần của người này. Trường hợp có nhiều người thừa kế hợp pháp thì họ phải cử một đại diện sở hữu duy nhất, bằng thủ tục ủy quyền có xác nhận công chứng. Công ty không giải quyết tranh chấp giữa những người thừa kế. Cổ phần thừa kế có thể tách riêng cho những người thừa kế theo yêu cầu của tất cả những người này và họ phải trả phí theo qui định của Công ty.

2. Trong trường hợp cổ đông là pháp nhân hoặc tổ chức khác thực hiện chuyển đổi, sáp nhập, hợp nhất, chia tách, giải thể, thì tổ chức hoặc pháp nhân mới thừa kế quyền và nghĩa vụ của cổ đông cũ phải gửi cho Hội đồng quản trị của Công ty các văn bản pháp lý về việc chuyển đổi, sáp nhập, hợp nhất, chia tách hoặc kế thừa và văn bản cử người đại diện.

3. Người thừa kế hợp pháp phải thực hiện đầy đủ thủ tục đăng ký để trở thành cổ đông mới, được hưởng mọi quyền lợi và phải thực hiện mọi nghĩa vụ của cổ đông mà họ kế quyền trừ khi pháp luật quy định khác. Trường hợp không xác định được người thừa kế hợp pháp sau hai năm kể từ ngày cổ đông qua đời, cổ phần của họ được thu hồi và trở thành tài sản của Công ty. Cổ phần này được Công ty giữ làm cổ phần ngân quỹ và có thể được Hội đồng quản trị chào bán theo hình thức được Đại hội đồng cổ đông cho phép. Hội đồng quản trị quyết định giá trị của những cổ phần này theo giá trị thị trường.

Điều 14. Phát hành cổ phiếu

1. Việc phát hành thêm cổ phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo quy định của pháp luật.

2. Bất kỳ cổ phần mới nào được dự kiến phát hành sẽ được chào bán trước tiên cho các cổ đông hiện thời theo tỷ lệ tương ứng với sở hữu cổ phần của họ vào thời điểm đó. Công ty phải thông báo việc chào bán cho các cổ đông, nêu rõ số cổ phần được chào bán và thời hạn (không ít hơn mười lăm ngày) để cổ đông đặt mua. Số cổ phần nào không được các cổ đông đặt mua theo thông báo chào bán đó sẽ thuộc quyền kiểm soát của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể phân phối các cổ phần đó cho các đối tượng, theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy phù hợp, với điều kiện là cổ phần đó không được bán theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện chào bán cho các cổ đông, trừ trường hợp được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 15. Thu hồi cổ phần

1. Nếu một cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền mua cổ phần, Hội đồng quản trị có thể gửi thông báo cho Cổ đông đó vào bất kỳ lúc nào để yêu cầu thanh toán số tiền chưa trả cùng với lãi suất bằng lãi tiền vay quá hạn lũy kế trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh của Công ty do việc không thanh toán này gây ra.

2. Thông báo trên phải nêu rõ thời hạn thanh toán mới (07 ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và nêu rõ trong trường hợp không thanh toán theo yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Nếu yêu cầu thanh toán trên không được thực hiện trong thời hạn thông báo, Hội đồng quản trị có quyền thu hồi số cổ phần chưa được thanh toán theo thông báo và cổ tức tương ứng được công bố nhưng chưa chi trả (nếu có). Quyết định về việc thu hồi sẽ được gửi đến người nắm giữ cổ phần trước thời điểm thu hồi.

4. Cổ phần bị thu hồi sẽ trở thành tài sản của Công ty và có thể được chào bán hoặc xử lý theo phương thức mà Hội đồng quản trị thấy phù hợp.

Chương IV. CỔ ĐÔNG

Điều 16. Quyền của Cổ đông phổ thông

Cổ đông là những người chủ sở hữu của Công ty có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông phổ thông có các quyền như sau:

1. Được nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
2. Được chuyển nhượng cổ phần theo quy định của Điều lệ này và pháp luật .

3. Được cầm cố cổ phiếu để đảm bảo cho các nghĩa vụ tài chính và các nghĩa vụ khác của mình theo quy định của pháp luật và của Điều lệ này;

4. Được ưu tiên mua cổ phần mới được chào bán tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của mình khi Công ty phát hành thêm cổ phần;

5. Được nhận thông tin tóm tắt về tình hình hoạt động của Công ty. Được quyền yêu cầu Hội đồng quản trị cung cấp thông tin về kết quả hoạt động có liên quan đến quyền lợi của mình theo quy định của điều lệ và pháp luật;

6. Trong trường hợp Công ty chấm dứt hoạt động theo Điều 40 của Điều lệ này, được chia tài sản của Công ty tương ứng với tỷ lệ cổ phần mà mình sở hữu sau khi Công ty đã thanh toán hết các khoản nợ và các nghĩa vụ khác và sau các cổ đông ưu đãi;

7. Được yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình theo quy định tại khoản 1 Điều 90 Luật Doanh Nghiệp 2005;

8. Được tham dự Đại hội đồng cổ đông hoặc cử đại diện tham dự Đại hội đồng cổ đông và biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Việc cử đại diện phải tuân thủ các quy định tại Điều 18 của Điều lệ này;

9. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này;

10. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục từ 6 tháng trở lên, có quyền:

a) Đề cử các thành viên ứng cử vào Hội đồng quản trị; Ban kiểm soát;

- Trước và trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, các cổ đông có quyền cùng nhau lập nhóm để đề cử và đôn phiếu bầu cho người do họ đề cử.

- Số lượng ứng cử viên mà mỗi nhóm có quyền đề cử phụ thuộc vào số lượng ứng cử viên do Đại hội đồng cổ đông quyết định và tỷ lệ sở hữu cổ phần của mỗi nhóm. Số lượng mà các nhóm có quyền đề cử được thực hiện như sau :

+ Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa một ứng cử viên;

+ Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 20% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa hai ứng cử viên;

+ Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 30% đến dưới 40% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa ba ứng cử viên;

+ Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 40% đến dưới 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bốn ứng cử viên;

+ Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 50% đến dưới 60% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa năm ứng cử viên;

+ Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 60% đến dưới 70% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa sáu ứng cử viên;

+ Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 70% đến dưới 80% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bảy ứng cử viên;

+ Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 80% đến dưới 90% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa tám ứng cử viên;

Trường hợp số lượng ứng cử viên được cổ đông, nhóm cổ đông đề cử thấp hơn ứng cử viên mà họ được quyền đề cử thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát hoặc các cổ đông khác đề cử.

- Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty.

b) Đề xuất các vấn đề trong nội dung chương trình họp của Đại hội đồng cổ đông.

c) Yêu cầu xem và nhận bảo sao hoặc trích lục danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông;

d) Các quyền khác theo qui định của pháp luật và Điều lệ này.

11. Các cổ đông sở hữu ít hơn 10% số cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số cổ phần có quyền biểu quyết của mỗi người lại với nhau để đề cử thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát.

Điều 17. Nghĩa vụ của cổ đông

1. Thanh toán tiền mua cổ phiếu theo qui định và thủ tục do Hội đồng quản trị yêu cầu;

2. Tuân thủ Điều lệ Công ty, các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các quyết định và quy chế của Hội đồng quản trị;

3. Chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số cổ phần của mình;

4. Không được rút vốn cổ phần dưới bất kỳ hình thức nào trừ trường hợp được sự chấp thuận của Hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật và Điều lệ này;

5. Bảo vệ uy tín, lợi ích, tài sản và giữ bí mật về các hoạt động kinh doanh của Công ty;

6. Các nghĩa vụ khác do Điều lệ này và pháp luật quy định.

Điều 18. Ủy quyền và các đại diện được ủy quyền

1. Đại diện phần vốn thuộc sở hữu của Nhà nước tại Công ty do cơ quan có thẩm quyền cử theo quy định của pháp luật.

2. Đại diện của Cổ đông là pháp nhân, tổ chức là đại diện theo pháp luật do Điều lệ của pháp nhân, tổ chức này quy định.

3. Người đại diện theo qui định tại khoản 1 và 2 của Điều lệ này có thể ủy quyền cho người có đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi để tham gia vào các vấn đề của Công ty trong phạm vi quyền hạn của mình. Người được ủy quyền không nhất thiết phải là Cổ đông của Công ty và không được ủy quyền lại cho người thứ ba.

4. Cổ đông là cá nhân có thể ủy quyền cho đại diện của mình tham gia vào các vấn đề của Công ty trong phạm vi quyền hạn của mình. Người được ủy quyền không nhất thiết phải là Cổ đông của Công ty và không được ủy quyền lại cho người thứ ba.

5. Việc cử đại diện và ủy quyền, thay đổi đại diện và người được ủy quyền phải được thực hiện bằng văn bản theo các quy định sau và những qui định khác của Hội đồng quản trị:

a) Trường hợp Cổ đông là cá nhân thì văn bản ủy quyền phải được ký bởi Cổ đông đó hoặc ký thay mặt bởi luật sư của họ.

b) Trường hợp Cổ đông là pháp nhân/tổ chức thì phải được đóng dấu và được ký bởi người đại diện theo pháp luật hoặc ký thay mặt bởi luật sư hay người đại diện được ủy quyền hợp lệ của pháp nhân/tổ chức đó.

Trường hợp thư chỉ định đại diện được ủy quyền của Cổ đông được ký thay mặt thì phải được kèm theo văn bản xác định tư cách hợp pháp của người ký thay mặt hoặc một bản sao có xác nhận hợp lệ của văn bản này.

Chương V. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 19. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

a) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm, thông qua đề nghị của Hội đồng quản trị về quyết toán năm tài chính, phương án phân phối và sử dụng lợi nhuận;

b) Thông qua báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị;

c) Thông qua báo cáo của Ban kiểm soát;

d) Thông qua kế hoạch phát triển, định hướng kinh doanh và đầu tư của Công ty;

e) Quyết định mức cổ tức được thanh toán hằng năm đối với mọi loại cổ phần;

f) Sửa đổi và bổ sung Điều lệ;

g) Quyết định việc tăng/giảm vốn điều lệ, phát hành thêm Cổ phần và xử lý Cổ phần ngân quỹ;

h) Quyết định việc phát hành trái phiếu có thể chuyển đổi thành Cổ phiếu;

i) Quyết định thành lập, giải thể các chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty;

j) Quyết định việc tổ chức lại, sáp nhập, hợp nhất Công ty, hoặc tham gia liên doanh;

k) Quyết định chấm dứt hoạt động, giải thể, thanh lý Công ty và quyết định việc thành lập Hội đồng thanh lý Công ty;

l) Quyết định số lượng thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;

m) Bầu, bãi miễn thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát.

n) Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và Cổ đông của Công ty;

o) Ấn định mức thù lao, tiền thưởng và các quyền lợi khác cho các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;

p) Quyết định các giao dịch mua, bán hoặc đầu tư có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản theo sổ sách kế toán của Công ty;

q) Quyết định việc mua lại hơn 10% tổng số cổ phần thuộc bất kỳ loại nào đang phát hành;

r) Các quyền và nhiệm vụ khác theo qui định của pháp luật và các qui định khác của Điều lệ này.

Điều 20. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong thời hạn 120 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

2. Ngoài ra, Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau:

a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, đặc biệt trong trường hợp các kiểm toán viên độc lập (nếu có) thông báo cần triệu tập Đại hội đồng cổ đông để thảo luận báo cáo kiểm toán hoặc tình trạng tài chính của Công ty.

b) Nhận được yêu cầu bằng văn bản của Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất 6 tháng. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải nêu rõ lý do và mục đích của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và có chữ ký của tất cả các Cổ đông có yêu cầu triệu tập.

c) Nhận được yêu cầu của Trưởng Ban kiểm soát hoặc 2/3 số thành viên của Ban kiểm soát. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp Đại hội đồng và có chữ ký của tất cả các Cổ đông có yêu cầu triệu tập.

3. Chủ tịch hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông trong vòng 30 ngày kể từ ngày những hiện tượng nêu trong điểm 2a, 2b hoặc 2c xảy ra.

Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không triệu tập Đại hội đồng cổ đông nêu tại khoản 1 và 2 của Điều này, thành viên Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông.

Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không triệu tập Đại hội đồng cổ đông, trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, Trưởng Ban kiểm soát phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông.

Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập Đại hội đồng cổ đông. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông “ quy định khoản 2 điều 79 luật Doanh nghiệp 2005” có yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông có thể triệu tập Đại hội đồng cổ đông.

4. Tất cả các chi phí cần thiết để triệu tập Đại hội đồng cổ đông sẽ do Công ty chi trả. Những chi phí này sẽ không bao gồm các chi phí mà Cổ đông phải chịu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, trong đó bao gồm chi phí ăn ở và đi lại.

5. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải lập danh sách Cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông, cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách Cổ đông, lập chương trình và nội dung cuộc họp, chuẩn bị tài liệu, xác định

thời gian và địa điểm họp, gửi giấy mời đến từng Cổ đông có quyền dự họp theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 21. Thẻ thức triệu tập Đại hội đồng cổ đông

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả Cổ đông có quyền dự họp chậm nhất bảy ngày làm việc trước ngày khai mạc. Thông báo được gửi bằng phương thức bảo đảm đến địa chỉ thường trú của cổ đông.

- Thông báo mời họp phải có tên địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của công ty; tên địa chỉ thường trú của Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông; thời gian và địa điểm cuộc họp.

2. Việc đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình cuộc họp Đại hội đồng cổ đông của Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông nêu tại khoản 10 Điều 16 của Điều lệ phải làm bằng văn bản được gửi cho Công ty ít nhất ba ngày trước ngày dự định cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải bao gồm tên (các) Cổ đông, số lượng và loại Cổ phần mà người đó nắm giữ và nội dung các vấn đề đề xuất đưa vào chương trình họp. Khi nhận được đề xuất, Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp phải đưa nội dung đó vào chương trình họp.

3. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông chỉ có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến khoản 2 của Điều này nếu:

- a) Đề xuất không gửi đúng thời hạn
- b) Vào thời điểm đề xuất, Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông không có đủ trên 10% tổng số cổ phần phổ thông trong một thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng.
- c) Đề xuất không chứa đựng những thông tin cần thiết.
- d) Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông theo qui định tại khoản 2 Điều 19 của Điều lệ này.

4. Hội đồng quản trị, hoặc người triệu tập Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp cuộc họp không do Hội đồng quản trị triệu tập, phải dự thảo nghị quyết đối với từng nội dung trong chương trình họp.

5. Chỉ có Đại Hội đồng cổ đông mới có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp.

Điều 22. Các điều kiện tiến hành Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Chủ Tịch Hội đồng quản trị chủ trì, nếu Chủ tịch vắng mặt thì Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc bất kỳ người nào khác do Đại hội đồng cổ đông bầu ra sẽ chủ trì. Trường hợp Đại hội đồng cổ đông không do Hội đồng quản trị triệu tập thì người triệu tập có quyền chủ trì cuộc họp.

2. Ban tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có trách nhiệm thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông tham dự, lập danh sách các cổ đông và đại diện cổ đông tham dự cuộc họp (ghi rõ số cổ phần sở hữu và số cổ phần đại diện). Việc đăng ký phải được tiến hành tiếp tục cho đến khi đăng ký đầy đủ các cổ đông có quyền dự họp. Văn bản ủy quyền cho đại diện tham dự Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến cho người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng ít nhất 3 ngày trước ngày dự định khai mạc cuộc họp.

3. Đại hội đồng cổ đông bầu Thư ký (hoặc Ban Thư ký) và Ban giám sát bầu cử theo đề cử của Chủ tọa.

4. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông chỉ được tiến hành khi số cổ đông và các đại diện được ủy quyền có mặt ít nhất 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

Nếu không đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng 30 phút kể từ thời điểm dự định khai mạc cuộc họp, Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng 30 ngày kể từ ngày dự định triệu tập phiên họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

Trong trường hợp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng 30 phút kể từ thời điểm dự định khai mạc cuộc họp, Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng 20 ngày kể từ ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ ba này được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông và đại diện được ủy quyền dự họp.

5. Cổ đông đến tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông muộn có quyền đăng ký và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại cuộc họp, nhưng Chủ tọa không có trách nhiệm dừng cuộc họp đó để đợi họ đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành không bị ảnh hưởng.

Điều 23. Thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và biên bản cuộc họp :

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua các nghị quyết thuộc thẩm quyền của mình bằng hình thức biểu quyết công khai hoặc bỏ phiếu kín tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua tại cuộc họp khi có ít nhất 65% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của tất cả các cổ đông và đại diện ủy quyền dự họp chấp thuận.

3. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phần và số lượng cổ phần được chào bán, việc tổ chức lại, giải thể Công ty, bán hơn 50% tổng giá trị tài sản ghi trong sổ sách kế toán của Công ty, đầu tư vào các dự án với tổng số vốn mà Công ty đầu tư bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản ghi trong sổ sách kế toán được thông qua khi có ít nhất 75% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của tất cả các cổ đông và đại diện ủy quyền dự họp chấp thuận.

4. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua với hình thức lấy ý kiến bằng văn bản khi được ít nhất 75% tổng số phiếu có quyền biểu quyết chấp thuận.

5. Người có trách nhiệm triệu tập cuộc họp có trách nhiệm sau đây để các nghị quyết của Cổ đông được thông qua lấy ý kiến bằng văn bản :

a) Quyết định các vấn đề để xem xét, lấy ý kiến bằng văn bản theo Điều lệ này và pháp luật;

b) Gửi các tài liệu liên quan đến việc lấy ý kiến, trong đó quy định thời hạn gợi ý kiến lại cho Công ty, cùng với tất cả các văn bản cần thiết để các Cổ đông và đại diện được ủy quyền có thể ra quyết định của mình;

c) Quyết định kết quả lấy ý kiến và thông báo kết quả đó trong vòng 15 ngày kể từ ngày hết hạn gửi lại ý kiến;

6. Nghị quyết được ban hành bằng văn bản theo khoản 4 của Điều này có giá trị ngang với nghị quyết thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

7. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực thi hành đối với tất cả các Cổ đông kể cả các Cổ đông vắng mặt hoặc Cổ đông bất đồng ý kiến.

8. Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông phải được thông báo đến Cổ đông và đại diện sở hữu có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng 15 ngày kể từ ngày nghị quyết được thông qua.

9. Người chủ trì cuộc họp Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm bảo quản các biên bản họp Đại hội đồng và gửi cho tất cả các Cổ đông ngay khi phiên họp Đại hội đồng cổ đông kết thúc. Các biên bản này là những bằng chứng cuối cùng về công việc được tiến hành tại phiên họp Đại hội đồng. Các biên bản được lập bằng tiếng Việt, có chữ ký của Chủ tọa và Thư ký và phải được lập phù hợp với Luật doanh nghiệp và Điều lệ này. Các bản ghi chép, biên bản, sổ chữ ký của các Cổ đông và đại diện ủy quyền dự họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Chương VI. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 24. Thành phần và nhiệm kỳ

1. Hội đồng quản trị có 07 thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc miễn nhiệm bằng hình thức bỏ phiếu kín. Số thành viên cụ thể cho từng nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

2. Nhiệm kỳ đầu tiên kể từ khi chính thức chuyển sang công ty cổ phần của thành viên Hội đồng quản trị là bốn năm. Các nhiệm kỳ sau là năm năm. Các thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại.

3. Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp Hội đồng quản trị khuyết quá 1/3 số thành viên thì Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc thành viên Hội đồng quản trị được ủy quyền phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung trong thời hạn 60 ngày.

Điều 25. Thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải là người hội đủ các điều kiện sau đây:

a) Không phải là đối tượng quy định tại khoản 2 và khoản 4 Điều 13 của Luật Doanh nghiệp 2005;

b) Có trình độ, học vấn, có năng lực kinh doanh và tổ chức quản trị doanh nghiệp;

c) Có ít nhất 05 năm công tác tại công ty, đang đương nhiệm và sở hữu tối thiểu 500 cổ phần của Công ty. Trường hợp Cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân ngoài Công ty phải là đại diện tối thiểu 5% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời gian liên tục sáu tháng trở lên của Công ty;

d) Có hiểu biết pháp luật;

e) Có sức khỏe và phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết;

2. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên trong các trường hợp sau:

a) Không còn đáp ứng được các điều kiện quy định tại khoản 1 của Điều này.

b) Không còn là Cổ đông là pháp nhân /tổ chức, hoặc pháp nhân/tổ chức là thành viên này đại diện bị mất tư cách pháp nhân hoặc chấm dứt hoạt động, trong trường hợp thành viên này được bầu vào Hội đồng quản trị với tư cách là đại diện của Cổ đông này. Trường hợp Cổ đông là pháp nhân/tổ chức thay đổi người đại diện hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị thì người đại diện mới, được pháp nhân/tổ chức đề cử thay thế, đương nhiên là thành viên mới được bổ sung của Hội đồng quản trị này.

c) Vắng mặt trong các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng 6 tháng mà không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị.

d) Từ chức bằng văn bản gửi đến Hội đồng quản trị.

e) Bị bãi miễn theo nghị quyết của đại hội đồng cổ đông.

3. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

4. Thành viên của Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn ở và các khoản chi phí hợp lý khác do họ đã chi liên quan tới việc thực hiện trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có thể chỉ định một thành viên khác trong Hội đồng quản trị hoặc một người khác được Hội đồng quản trị phê chuẩn làm người thay thế cho mình (thành viên Hội đồng quản trị thay thế) tham dự họp Hội đồng quản trị, biểu quyết cũng như được uỷ quyền thực hiện những chức năng của thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp thành viên này vắng mặt. Thành viên Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về hoạt động của người thay thế và có quyền bãi miễn người thay thế bất cứ lúc nào. Việc chỉ định, bãi miễn người thay thế phải được lập bằng văn bản. Thành viên Hội đồng quản trị thay thế đương nhiên không còn tư cách này nếu người chỉ định của mình không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 26. Chủ tịch Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị lựa chọn trong số các thành viên của mình để bầu ra một chủ tịch và một Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị.

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau:

a) Lập chương trình, lập kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu phục vụ cho cuộc họp Hội đồng quản trị;

c) Triệu tập và chủ toạ cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và các cuộc họp của Hội đồng quản trị;

d) Theo dõi quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị;

e) Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật;

2. Khi vắng mặt, Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể uỷ quyền cho Phó chủ tịch hội đồng quản trị hoặc thành viên Hội đồng quản trị thực hiện nhiệm vụ của mình. Trường hợp không có người được uỷ quyền vì bất kỳ lý do nào, các thành viên còn lại của Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm một người khác trong số họ để thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 27. Quyền hạn và trách nhiệm của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những quyền thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Hội đồng quản trị có những quyền và nhiệm vụ sau:

a) Quản lý và chỉ đạo hoạt động kinh doanh của Công ty theo Điều lệ, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và tuân thủ pháp luật;

b) Giám sát hoạt động của Tổng Giám đốc và các Nhân viên quản lý khác;

c) Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm;

d) Xác định các mục tiêu hoạt động và mục tiêu chiến lược trên cơ sở các mục đích chiến lược do Đại hội đồng cổ đông thông qua;

e) Quyết định cơ cấu tổ chức, quyết định thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

f) Quyết định quy chế tuyển dụng, buộc thôi việc Nhân viên quản lý của Công ty phù hợp với quy định của pháp luật;

g) Bổ nhiệm, bãi nhiệm hoặc thay thế Tổng Giám đốc Công ty và cán bộ quản lý khác theo điều lệ và pháp luật qui định.

h) Quyết định tiền lương, mức khen thưởng và xử phạt đối với các thành viên Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng và các chức danh khác thuộc quyền quản lý của Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc thì mức lương và thưởng của Tổng Giám đốc do Đại hội đồng cổ đông quyết định;

i) Phê chuẩn quyết định chỉ định và bãi nhiệm đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;

j) Phê chuẩn các quyết định về vay nợ, thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường do Công ty thực hiện;

k) Quyết định các giao dịch mua, bán hoặc đầu tư có giá trị đến 50% tổng giá trị tài sản theo sổ sách kế toán tại thời điểm gần nhất của Công ty trừ hợp đồng và giao dịch quy định tại khoản 1 và khoản 3, Điều 120 Luật Doanh nghiệp 2005;

l) Quyết định việc mua lại đến 10% tổng số cổ phần thuộc bất kỳ loại nào đang phát hành;

m) Xem xét quyết định việc chuyển nhượng cổ phần ghi tên, trừ những trường hợp thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông;

n) Phê duyệt phương án trang bị cơ sở vật chất kỹ thuật của Công ty;

o) Quyết định mức giá mua lại, hoặc thu hồi cổ phần của Công ty;

p) Bất kỳ vấn đề kinh doanh hay giao dịch nào khác mà Hội đồng quản trị quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn của mình;

q) Chấp thuận báo cáo về tình hình hoạt động và kết quả kinh doanh của Công ty trước khi trình Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn;

r) Lập báo cáo về hoạt động của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông;

s) Trình Đại hội đồng cổ đông quyết định;

- Kế hoạch phát triển, định hướng kinh doanh và đầu tư của Công ty;
- Các loại cổ phần của Công ty và tổng số cổ phần phát hành của từng loại;
- Tăng, giảm vốn điều lệ, phát hành thêm cổ phần hoặc xử lý cổ phần ngân quỹ;
- Thành lập hoặc giải thể các chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty;
- Phát hành trái phiếu có thể chuyển đổi thành cổ phiếu;
- Sửa đổi và bổ sung điều lệ;
- Cơ cấu lại hoặc giải thể, sáp nhập, hợp nhất Công ty, hoặc tham gia liên doanh;
- Quyết toán năm tài chính, phương án phân phối và sử dụng lợi nhuận;
- Mức cổ tức được trả hàng năm đối với mỗi loại cổ phần;

3. Sau cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thành lập, Hội đồng quản trị Công ty có trách nhiệm nhận toàn bộ bàn giao tài sản, lao động, hồ sơ tài liệu của Công ty và công việc còn lại của Ban đổi mới doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có trách nhiệm hoàn tất những thủ tục còn lại.

4. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và các khoản khác của Điều lệ này.

5. Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho các nhân viên quản lý đại diện và thay mặt Công ty, trừ khi Điều lệ này hoặc pháp luật có quy định khác.

Điều 28. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị.

1. Cuộc họp thường kỳ: Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên đã bầu theo nguyên tắc đa số một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị .

2. Cuộc họp bất thường: Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị mà không được trì hoãn khi bất kỳ người nào sau đây yêu cầu bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:

- a) Chủ tịch Hội đồng quản trị.
- b) Tổng Giám đốc.
- c) Có đề nghị của ít nhất hai thành viên Hội đồng quản trị.
- d) Trưởng ban kiểm soát.

3. Nếu Chủ tịch Hội đồng quản trị không triệu tập cuộc họp trong vòng 15 ngày sau khi nhận được yêu cầu, những người yêu cầu triệu tập họp Hội đồng quản trị theo khoản 2 của Điều này có thể tự triệu tập họp Hội đồng quản trị.

4. Thông báo và chương trình họp: thông báo về cuộc họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản, bao gồm chương trình họp, thời gian và địa điểm họp cùng những tài liệu cần thiết. Thông báo phải được gửi đến các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất bảy ngày trước ngày dự định họp.

5. Cuộc họp chỉ có thể tiến hành và thông qua các nghị quyết khi có ít nhất ba phần tư số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện thay thế.

Trường hợp cuộc họp được triệu tập không đủ thành viên dự họp theo quy định, thì được triệu tập lần hai trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trong trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

6. Biểu quyết :

a) Mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người thay thế có mặt tại cuộc họp sẽ có một phiếu biểu quyết.

b) Trong trường hợp các vấn đề đưa ra để biểu quyết có liên quan đến lợi ích vật chất trực tiếp hay gián tiếp của một thành viên Hội đồng thì thành viên này phải công bố sự liên quan này, bản chất và nội dung của lợi ích này và sẽ không được tham gia biểu quyết nội dung đó.

c) Quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được trên 50% số thành viên dự họp (bao gồm cả thành viên Hội đồng quản trị thay thế và thành viên vắng mặt có biểu quyết bằng văn bản, nếu có) đồng ý. Trường hợp số phiếu ngang nhau, thì Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ là người có lá phiếu quyết định.

7. Thành viên Hội đồng quản trị vắng mặt có thể biểu quyết về nghị quyết của Hội đồng quản trị bằng văn bản. Những phiếu bằng văn bản này phải được gửi đến Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc thư ký Hội đồng quản trị ít nhất một tiếng đồng hồ trước thời gian dự định khai mạc cuộc họp.

8. Nghị quyết bằng văn bản có thể được ký bởi toàn thể thành viên Hội đồng:

a) Có quyền biểu quyết về nghị quyết tại cuộc họp Hội đồng; và

b) Thỏa mãn được điều kiện về số lượng thành viên bắt buộc phải có để tiến hành họp Hội đồng.

Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như một nghị quyết được thông qua bởi các thành viên Hội đồng quản trị tại một cuộc họp được và tổ chức như thường lệ. Nghị quyết được thông qua bằng cách sử dụng một số bản sao của một văn bản, nếu mỗi bản sao được ký bởi một hoặc nhiều thành viên. Các bản sao này có thể là bản fax.

9. Biên bản: biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị phải được lập và được gửi tới các thành viên của Hội đồng. Biên bản phải được ký bởi tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp và là bằng chứng về công việc đã tiến hành tại cuộc họp.

Chương VII. BAN KIỂM SOÁT

Điều 29. Cơ cấu Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát gồm 03 thành viên do Đại hội đồng cổ đông bổ nhiệm, miễn nhiệm theo hình thức bỏ phiếu kín. Ít nhất một thành viên Ban kiểm soát phải am hiểu nghiệp vụ tài chính kế toán.

2. Các thành viên Ban kiểm soát phải có một người trong số họ là cổ đông của Công ty làm Trưởng ban Kiểm soát.

3. Thành viên Ban kiểm soát phải có đủ những tiêu chuẩn sau đây:

a) Không được là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng của Công ty.

b) Không phải là vợ, chồng hoặc người thân thuộc trực hệ 3 đời của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng của Công ty.

c) Không phải là đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 13 Luật Doanh nghiệp 2005.

d) Có trình độ học vấn, am hiểu kỹ thuật và nghiệp vụ kinh doanh của Công ty.

e) Có ít nhất 05 năm kinh nghiệm quản lý, kinh doanh.

f) Có hiểu biết pháp luật.

g) Có sức khỏe và phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết.

4. Thành viên Ban kiểm soát không còn tư cách thành viên trong các trường hợp sau đây:

a) Không còn đáp ứng được các điều kiện quy định tại khoản 3 của Điều này.

b) Từ chức bằng văn bản gửi đến Hội đồng quản trị.

c) Bị bãi miễn theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

d) Không thực hiện quyền và nhiệm vụ của mình trong sáu tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng.

5. Nhiệm kỳ đầu tiên kể từ khi chính thức chuyển sang công ty cổ phần của thành viên Ban kiểm soát là 4 năm và 90 ngày (để giải quyết, bàn giao các công việc còn lại). Các nhiệm kỳ sau là 05 năm và 90 ngày (để giải quyết, bàn giao các công việc còn lại).

6. Trường hợp Ban kiểm soát khuyết trên 2/3 số thành viên. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông trong vòng 30 ngày để bầu bổ sung.

Điều 30. Quyền hạn và trách nhiệm của Ban kiểm soát

1. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong quản trị, quản lý và điều hành hoạt động kinh doanh, trong ghi chép sổ sách của kế toán và báo cáo tài chính của Công ty;

2. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, theo yêu cầu của cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 10 Điều 16 của Điều lệ này;

3. Thông báo định kỳ với Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động, tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình các báo cáo, kết luận lên Đại hội đồng cổ đông;

4. Tư vấn cho Hội đồng quản trị về việc chỉ định kiểm toán độc lập, xem xét và giải quyết các vấn đề liên quan trong phạm vi kiểm soát nội bộ và kiểm toán;

5. Kiểm tra báo cáo tài chính hàng kỳ của Công ty trước khi đệ trình Hội đồng quản trị;

6. Lập báo cáo về tính chính xác, trung thực, hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong ghi chép sổ sách kế toán và báo cáo tài chính của Công ty và trình lên Đại hội đồng cổ đông về những báo cáo kết luận của mình;

7. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, các phòng, ban nghiệp vụ cung cấp báo cáo, số liệu và những thông tin cần thiết cho công việc của mình;

8. Yêu cầu triệu tập và triệu tập Đại hội đồng cổ đông và cuộc họp của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 20 và Điều 28 của Điều lệ này;

9. Kiến nghị Hội đồng quản trị các biện pháp bổ sung, sửa đổi, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty;

10. Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp hoặc tư vấn pháp lý, đảm bảo sự tham gia của các chuyên gia độc lập bên ngoài công ty có kinh nghiệm và trình độ chuyên môn phù hợp vào các vấn đề của công ty nếu thấy cần thiết;

11. Được hưởng thù lao theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

12. Được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn ở và các khoản chi phí hợp lệ khác liên quan tới việc thực hiện trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát;

13. Các quyền hạn và trách nhiệm khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật;

Chương VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 31. Bổ nhiệm, miễn nhiệm Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty do Hội đồng quản trị bổ nhiệm và miễn nhiệm.

1. Tổng Giám đốc phải có đủ những tiêu chuẩn sau:

a) Không thuộc các đối tượng quy định tại khoản 2, Điều 13 của Luật Doanh nghiệp 2005.

b) Không được kiêm nhiệm bất cứ một chức vụ quản lý điều hành nào tại các tổ chức kinh tế khác.

c) Có trình độ học vấn, có kinh nghiệm quản lý tổ chức, có năng lực kinh doanh liên quan đến ngành nghề kinh doanh chính của Công ty.

d) Có hiểu biết pháp luật.

e) Có sức khỏe và phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết.

2. Tổng Giám đốc bị bãi nhiệm, miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không còn đáp ứng được các điều kiện tại khoản 1 của Điều này.

b) Vắng mặt tại Công ty liên tục trong vòng 60 ngày mà không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị.

c) Từ chức bằng văn bản gửi đến Hội đồng quản trị.

3. Trường hợp Tổng Giám đốc bị bãi nhiệm, miễn nhiệm. Hội đồng quản trị phải tạm cử người thay thế. Trong thời hạn 30 ngày, Hội đồng quản trị phải tiến hành các thủ tục để bổ nhiệm chính thức Tổng Giám đốc mới.

Điều 32. Quyền hạn và trách nhiệm Tổng Giám đốc

1. Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty.

2. Tổng Giám đốc là người điều hành mọi hoạt động hàng ngày của Công ty theo điều lệ, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và quyết định của Hội đồng quản trị.

3. Tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị.

4. Tổ chức thực hiện các phương án kinh doanh và đầu tư của Công ty.

5. Tổ chức bộ máy điều hành công ty và số lượng các nhân viên quản lý, phương án bố trí cơ cấu tổ chức, đề xuất những biện pháp nâng cao hiệu quả hoạt động và quản lý của Công ty.

6. Báo cáo Hội đồng quản trị tình hình hoạt động và kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

7. Xây dựng và trình Hội đồng quản trị kế hoạch kinh doanh dài hạn và kế hoạch hàng năm.

8. Chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và pháp luật về các quyết định của mình.

9. Từ chối thực hiện những quyết định của Hội đồng quản trị nếu thấy những quyết định này trái pháp luật, Điều lệ hoặc nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

10. Kiến nghị Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với các chức danh Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty.

11. Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm và cách chức các chức danh quản lý thuộc thẩm quyền quản lý của mình.

12. Ủy quyền cho các Nhân viên quản lý khác thực hiện quyền hạn của mình.

13. Tuyển dụng, bố trí sử dụng lao động theo quy định của Hội đồng quản trị và pháp luật.

14. Quyết định lương, phụ cấp (nếu có) đối với người lao động trong Công ty, kể cả cán bộ thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của mình.

15. Ký kết hợp đồng kinh tế có giá trị nhỏ hơn 50% tổng giá trị tài sản theo sổ sách kế toán của Công ty trừ trường hợp quy định tại khoản 6 Điều 33 của Điều lệ này.

16. Quyết định mọi giao dịch mua, bán, liên doanh, liên kết và đầu tư có giá trị nhỏ hơn 20% tổng giá trị tài sản theo sổ sách kế toán của Công ty.

17. Được quyết định những biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong những trường hợp khẩn cấp như thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn và sau đó báo cáo ngay cho Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm về các quyết định này.

18. Được hưởng tiền lương, thưởng theo quyết định của Hội đồng quản trị và hợp đồng lao động.

19. Các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

Chương IX. NHIỆM VỤ ĐƯỢC ỦY THÁC CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, GIÁM ĐỐC VÀ NHÂN VIÊN QUẢN LÝ

Điều 33. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Nhân viên quản lý khác thực hiện mọi quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, tận tâm và có tinh thần trách nhiệm cao nhất vì lợi ích hợp pháp của Công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Nhân viên quản lý khác không được sử dụng những cơ hội kinh doanh của Công ty để mang lại lợi ích cho cá nhân, không được sử dụng địa vị, quyền hạn hay những thông tin khác có được nhờ chức vụ của mình, cũng như không được sử dụng tài sản của Công ty nhằm mục đích thu lợi riêng cho bản thân, cho những người liên quan hay phục vụ lợi ích của bất kỳ tổ chức hoặc cá nhân nào khác.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Nhân viên quản lý khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị bất kỳ lợi ích tiềm tàng có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty mà họ có thể có ở các pháp nhân kinh tế khác, các giao dịch hoặc cá

nhân khác và chỉ có thể sử dụng những cơ hội đó khi các thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan đã quyết định không truy xét vấn đề này.

4. Công ty không được cấp các khoản vay, bảo lãnh, hoặc tín dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Nhân viên quản lý, những người liên quan đến họ hoặc bất kỳ pháp nhân nào mà ở đó những người này có các lợi ích tài chính, trừ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

5. Các hợp đồng giao dịch của Công ty với các đối tượng sau đây phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận :

a) Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 35% tổng số cổ phần phổ thông của công ty và những người có liên quan của họ.

b) Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc.

6. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, nhân viên quản lý hoặc những người có liên quan của họ không được phép mua, bán hoặc giao dịch các cổ phiếu của Công ty hoặc của công ty con của công ty vào bất cứ thời điểm nào khi họ có được những thông tin chắc chắn sẽ gây ảnh hưởng đến giá của những cổ phiếu đó mà các cổ đông khác lại không biết được những thông tin này.

7. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Nhân viên quản lý khác vi phạm nghĩa vụ trung thực, hoặc không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự cẩn trọng, miễn cần sẽ phải chịu trách nhiệm bồi thường những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

Chương X . CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 34. Công nhân và Công đoàn

Tổng Giám đốc lập kế hoạch thông qua Hội đồng quản trị các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng lao động, buộc thôi việc, lương bổng, bảo hiểm xã hội, phúc lợi khen thưởng và kỷ luật đối với các nhân viên quản lý và nhân viên của Công ty cũng như quan hệ của Công ty với tổ chức Công đoàn theo qui định pháp luật.

Chương XI. HẠCH TOÁN VÀ PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 35. Năm tài chính

1. Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và kết thúc vào ngày 31 Tháng 12 năm 2005.

Điều 36. Hệ thống kế toán

1. Hệ thống kế toán Công ty sử dụng là Hệ thống kế toán Việt Nam.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty sẽ lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh của Công ty. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng Đồng Việt nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

4. Cuối mỗi niên độ kế toán, Hội đồng quản trị xem xét thông qua báo cáo kế toán sau đây:

a) Bảng cân đối tài sản;

- b) Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- c) Báo cáo luân chuyển tiền tệ;
- d) Thuyết minh báo cáo tài chính;

Báo cáo kế toán của Công ty có thể được kiểm toán bởi một tổ chức kiểm toán độc lập theo chỉ định của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 37. Quỹ dự trữ

Hằng năm, Công ty phải trích từ lợi nhuận sau thuế của mình (nếu có) một khoản nộp vào quỹ dự trữ và các quỹ khác.

Tỷ lệ trích quỹ dự trữ và các quỹ khác do Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông quyết định.

Điều 38. Cổ tức

1. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và qui định của pháp luật, cổ tức được công bố và chi trả từ lợi nhuận ròng của Công ty.

2. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với pháp luật, Hội đồng quản trị có thể tạm trả cổ tức định kỳ 6 tháng một lần nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng lợi nhuận của Công ty.

3. Cổ tức phổ thông sẽ được tính theo phần trăm trên số tiền cổ phần đã thanh toán trong giai đoạn cổ tức được chi trả.

4. Đại hội đồng cổ đông, theo đề xuất của Hội đồng quản trị, có thể quyết định việc chi trả cổ tức bằng các hình thức khác thay cho việc thanh toán bằng tiền mà không trái với pháp luật.

Chương XII . CON DẤU

Điều 39. Con dấu

1. Con dấu của Công ty được khắc theo mẫu qui định của pháp luật và được đăng ký với cơ quan có thẩm quyền trước khi sử dụng.

2. Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm quản lý và sử dụng con dấu theo quy định của pháp luật.

Chương XIII . CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 40. Chấm dứt hoạt động

Công ty có thể bị giải thể, chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:

- a) Kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty mà không tiếp tục gia hạn;
- b) Bị tòa án tuyên bố phá sản theo qui định của pháp luật;
- c) Theo quyết định của Đại Hội đồng cổ đông.

Điều 41. Thanh lý

1. Trong vòng 6 tháng kể từ ngày có quyết định giải thể Công ty, Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu Hội đồng thanh lý gồm 3 thành viên để cùng với Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát thực hiện quy trình thanh lý Công ty theo qui định của pháp luật.

2. Hội đồng thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày được thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Hội đồng thanh lý sẽ

thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến việc thanh lý Công ty trước tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:

- a) Các chi phí thanh lý;
- b) Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho công nhân viên.
- c) Thuế và các khoản nộp có tính chất thuế mà Công ty phải trả cho Nhà nước;
- d) Các khoản vay bảo đảm (nếu có);
- e) Các khoản nợ khác của Công ty;

f) Khoản còn lại sau khi đã thanh toán mọi khoản nợ từ các mục trên đây sẽ được phân chia cho các Cổ đông. Cổ đông phổ thông sẽ được chia phần sau khi các Cổ đông ưu đãi được thanh toán.

Chương XIV. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 42. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Khi phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan đến hoạt động của Công ty hay tới quyền của các Cổ đông phát sinh từ Điều lệ này hay bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do pháp luật quy định, giữa :

a) Cổ đông và Công ty; hoặc

b) Cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc hay nhân viên quản lý khác;

Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ chủ trì giải quyết tranh chấp và yêu cầu mỗi bên trình bày yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng 60 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Nếu tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị; bất cứ bên nào đều có thể chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trung gian hòa giải quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Nếu không có quyết định hòa giải nào đạt được trong vòng 60 ngày kể từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp thuận, bất kỳ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng Tài Kinh Tế hoặc Tòa án Kinh Tế.

3. Các bên tranh chấp sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan đến thủ tục thương lượng và hòa giải. Các chi phí của Tòa án do Tòa phán quyết bên nào phải chịu.

Chương XV. ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG

Điều 43. Chính thức hoạt động

Công ty sẽ chính thức hoạt động sau khi hoàn thành các thủ tục sau đây:

1. Điều lệ này của Công ty được Đại hội đồng Cổ đông thành lập thông qua.

2. Xác nhận danh sách Cổ đông đã đăng ký mua cổ phần dự kiến phát hành.

3. Đã bầu được Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc một cách hợp pháp và hợp lệ.

4. Hoàn tất các thủ tục đăng ký với cơ quan Nhà Nước có thẩm quyền theo qui định của pháp luật .

Điều 44. Hiệu lực của Điều lệ

1. Điều lệ này gồm 15 Chương 44 Điều đã được sửa đổi, bổ sung lần 1 và thông qua một cách hợp lệ và được chấp thuận hiệu lực toàn văn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2008 vào ngày 24 Tháng 04 Năm 2008; sửa đổi, bổ sung lần 2 theo Nghị quyết số: 02/2011/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22 tháng 07 năm 2011 Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Du lịch An Giang.

2. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này do Đại hội đồng cổ đông xem xét và quyết định.

3. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc ít nhất 1/2 tổng số thành viên Hội đồng quản trị mới có giá trị

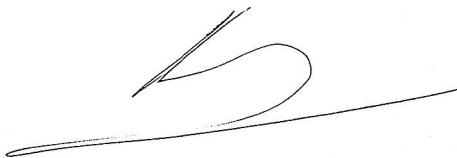
4. Điều lệ này được lập thành 06 Bản chính, có giá trị như nhau, trong đó :

- a) Một bản đăng ký tại cơ quan đăng ký kinh doanh;
- b) Một bản đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền khác theo qui định;
- c) Bốn bản lưu tại trụ sở chính của Công ty.

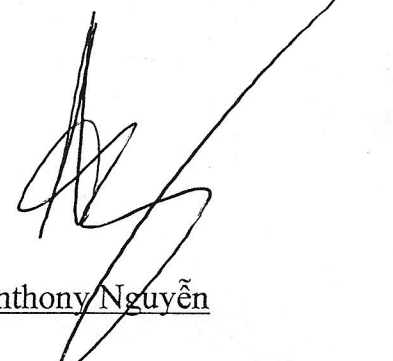
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Nguyễn Tấn Sơn



Lê Việt Hùng



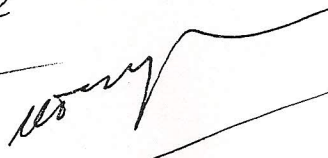
Anthony Nguyễn



Huỳnh Thị Ánh



Nguyễn Văn Tiến



Lê Hoàng Ân



Trần Hữu Phúc

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT



Nguyễn Thị Châu Long

SAD Y BẢN CHÁNH

Số: 142

Ngày 29 Tháng 11 Năm 2011

CHỦ TỊCH HĐQT



Nguyễn Tấn Sơn